TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 95/2025/QĐST-HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 14 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 196/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025, giữa:

* *Nguyên đơn*: anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

* *Bị đơn*: chị **Trần Thị Thanh H1**, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bẩy) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị Thanh H1.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Anh H và chị H1 xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Trần Ngọc H2, sinh ngày 26/4/2017 và cháu Nguyễn Trần Ánh H3,

sinh ngày 04/01/2019. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh H và chị H1 khi ly hôn để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Ngọc H2; chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Ánh H3 kể từ tháng 11/2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh H, chị H1 và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị H1, anh H trong việc thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

2.2 Về tài sản chung; công sức; công nợ: Anh Hiệp, chị H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hiệp, chị H1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Chấp nhận sự tự thỏa thuận của anh H và chị H1, để anh H nộp toàn bộ khoản tiền án phí ly hôn sơ thẩm, tổng là 150.000 đồng. Anh H được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0002656 ngày 06/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND khu vực 6 – Ninh Bình
- THADS tỉnh Ninh Bình
- UBND phường Đ.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Tươi